

TRAO ĐỔI



Ý KIẾN

VẤN ĐỀ XÁC ĐỊNH LẠI THÀNH PHẦN MỘT SỐ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM

LẠI BÀN VỀ CÔNG TÁC XÁC MINH THÀNH PHẦN CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM

ĐẶNG NGHIỆM VẠN

1. Một câu hỏi tưởng như dễ dàng: nước ta có bao nhiêu dân tộc (hay đúng hơn là tộc người - ethnies)?, nhưng là một câu hỏi rất cơ bản, tốn không biết bao công sức, thời gian để giải quyết và đến nay lại vẫn còn phải tiếp tục. Câu hỏi này được Hồ Chủ tịch gợi ý và gần như tất cả các nhà dân tộc học, cùng hợp tác với các nhà ngôn ngữ học, nhân chủng học, văn hoá học, ... trong nước tham gia giải đáp suốt trong hai thập kỷ qua. Riêng việc xác định tiêu chí thế nào là một dân tộc (tộc người) cũng phải mất hơn một thập kỷ, sau sự truyền đạt chỉ thị của Hồ Chủ tịch của đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Trung ương Lê Quảng Ba đầu thập kỷ 60 đến Hội nghị về Công tác xác định thành phần dân tộc ở miền Bắc Việt Nam (11.1973) (1). Những ý kiến gần như được thống nhất trong giới khoa học thời đó, lại được bổ sung hoàn chỉnh tiếp tục trong thập kỷ 70 bằng việc điều tra các dân tộc ở phía Nam Tổ quốc. Một danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam được chính thức công bố vào ngày 02 tháng 03 năm 1979 (2), sau 10 năm Hồ Chủ tịch đã đi xa và cũng tròn 20 năm tiến hành điều tra xác định thành phần các dân tộc Việt Nam.

Có thể nói, đây là một thành công lớn của ngành dân tộc học non trẻ của Việt Nam, một thành công được nhiều nhà dân tộc học nói riêng và khoa học xã hội nói chung hoan nghênh. Các tiêu chí xác định thành phần các dân tộc (tộc người) được rút ra từ việc đi điều tra từng dân tộc, với những nhóm địa phương khác nhau, kết quả bước đầu được trình bày lấy ý kiến của đại biểu các cấp quản lý của TW (Ủy ban Dân tộc TW), của các địa phương và của những người tiêu biểu cho các dân tộc được điều tra, nói chung đi đến sự nhất trí, cho dù phải họp đến hai, ba lần như ở Thái Nguyên (trường hợp Cao Lan - Sán Chỉ), ở Nghệ An (trường hợp các nhóm Đan Lai, Ly Hà, Tày Pọng, Cuối, Thổ), ở Quảng Nam - Đà Nẵng và Gia Lai - Kon Tum (trường hợp các nhóm thuộc dân tộc Xơ-đăng, Giẻ-Triêng).

Điều đáng lưu ý là, khi xác định thành phần từng dân tộc, cần khẳng định mỗi cá nhân, mỗi tộc người đều phải nhận thức trước hết và trên hết ý thức tự giác là thuộc về dân tộc Việt Nam, một cộng đồng thống nhất không gì lay chuyển nổi, được xây dựng và bảo vệ bằng mồ hôi, xương máu của nhiều thế hệ của 54 dân tộc cấu thành quốc gia - dân tộc Việt Nam. Ý kiến này phản ánh thực tiễn lịch sử hình thành và

phát triển của quốc gia dân tộc Việt Nam đa tộc người, mọi người nhất trí và tán thành khi được chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, uỷ viên Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, đồng chí Nguyễn Khánh Toàn thời đó đề ra (3). Ý kiến đó được khẳng định sau này trong Nghị quyết của Đảng khi xác định mối quan hệ giữa quốc gia - dân tộc và các dân tộc (tộc người) cấu thành: "Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc, đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc (tức quốc gia - dân tộc Việt Nam - ĐNV) trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp với quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc" (4).

2. Tuy nhiên trong thực tế công tác, chúng ta không thể không lưu ý đến một thực tế là sự phát triển không đồng đều trong xã hội các dân tộc đa số và thiểu số, là sự khác biệt giữa những bản sắc của từng dân tộc trong một quốc gia, cho dù rằng ở Việt Nam có một thuận lợi là các dân tộc đều có chung một nền tảng văn hoá cổ đại: văn hoá Nam phương, đều chịu tác động bởi những luồng văn hoá ngoại sinh giống nhau, với mức độ đậm nhạt khác nhau, đều đã cư trú hàng ngàn năm trong một khu vực lịch sử - văn hoá hay một không gian - xã hội giống nhau, đặc biệt cùng là công dân của một quốc gia dân tộc Việt Nam.

Chính vì thực tế đó, chúng ta phải cần lưu ý ý kiến của *Nghị quyết Hội nghị lần thứ V của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII)*. "Hơn 50 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hoá riêng. Các giá trị và sắc thái đó bổ sung cho nhau, làm phong phú

nền văn hoá Việt Nam và củng cố sự thống nhất dân tộc (nation) trên cơ sở giữ vững sự bình đẳng và phát huy tính đa dạng văn hoá của các dân tộc anh em". Ý kiến đó nhấn mạnh về góc độ văn hoá, nhưng tinh thần cũng thể hiện trong công tác xác định thành phần các dân tộc, cần tôn trọng một cách chân thực và nghiêm túc cái chung và cái riêng của từng dân tộc, từng nhóm địa phương. Điều đó phải được coi là một phương châm khi xác định lại tên gọi và thành phần một số dân tộc, nếu thấy cần thiết.

Mỗi dân tộc rất nhạy cảm về những sắc thái riêng của bản thân. Bên cạnh việc họ nhận thức *cái ta* trong cộng đồng dân tộc Việt Nam, đồng thời họ lại rất lưu ý đến *cái khác ta* trong cộng đồng, nhằm tự khẳng định mình, nhất là ở những dân tộc, những nhóm địa phương có những điều kiện địa lý khó khăn, những hoàn cảnh lịch sử đưa đẩy họ đến chỗ bị suy thoái, bị lệ thuộc, bị kém anh, kém chị. Kinh nghiệm của thời kỳ xác định thành phần lần thứ nhất vào những thập kỷ 60, 70 của thế kỷ thứ XX cho ta thấy *những cộng đồng khó xác định thường rơi vào các dân tộc hay các nhóm địa phương có nhiều đảo lộn trong quá trình lịch sử, do phương thức sản xuất canh tác, do điều kiện tự nhiên quá khê khắt, khó phát triển, do chiến tranh, loạn lạc, do khí hậu dẫn đến bệnh tật, dịch họa*. Những cộng đồng đó bị chia xẻ thành nhiều bộ phận, hoặc ở lại quê hương sinh sống, hoặc chuyển cư hay thiên di đi nơi khác, cư trú thành những ốc đảo, ở những vùng hẻo lánh bên cạnh những dân tộc khác, ở đấy diễn ra những quá trình giao tiếp rất phức tạp, sinh hoạt đời sống phải thay đổi, văn hoá tự thân bị rơi rụng hoặc quỵ lỵ với văn hoá các dân tộc mới ở kề cạnh. Quá trình hoà nhập,

phân ly diễn ra rất khác nhau, tùy thuộc vào sức mạnh kinh tế, chính trị, văn hoá của một bên là người mới đến, một bên là người tại chỗ, nên dẫn đến tình hình là những nhóm dân tộc cư trú trên những lãnh thổ xa cách nhau, xen cư với các dân tộc khác, nhất là ở những vùng ngoại vi giữa các tỉnh, ở vùng biên giới, ở vùng rẻo cao, hẻo lánh. Đó là trường hợp của các dân tộc thiểu số ở miền núi với số dân không cao, với số nhóm địa phương nhiều so với tỷ lệ dân số, với quá trình thiên di hoặc chuyển cư kéo dài qua nhiều thế kỷ, với số phận thường bị sống lệ thuộc vào một dân tộc có địa vị kinh tế, chính trị, văn hoá cao hơn, ổn định hơn, với một tầng lớp thống trị bản tộc.

Tình hình trên lại diễn ra không giống nhau tùy theo từng miền, từng khu vực, từng dân tộc. Nếu không kể một số dân tộc thiểu số cư trú ở miền đồng bằng (Hoa, Chăm, Khơ-me, Chơ-ro), ở miền núi Bắc Bộ và bắc Trung Bộ, tính từ tỉnh Nghệ An đổ ra, ta thấy các dân tộc thiểu số thường quy tụ và chịu ảnh hưởng nhiều ít của những dân tộc Tày, Nùng, Thái, Mường chiếm lĩnh các thung lũng lớn, với các tù trưởng: các thổ ty, lang đạo, phía tạo, các chủ đất, hay với các thiết chế xã hội gần như miền đồng bằng. Những dân tộc phía Bắc và Đông Bắc cư trú ở vùng thấp hay vùng trung du, ít lệ thuộc vào dân tộc Tày, Nùng hơn các dân tộc cư trú trên rẻo cao. Những dân tộc ở Tây Bắc và miền núi hai tỉnh Nghệ An và Thanh Hoá, trừ dân tộc Thổ, lệ thuộc vào dân tộc Thái và Mường. Hai dân tộc Hmông và Dao, do được thừa hưởng một lịch sử văn hoá cao, nên giữ được những nếp sống đặc thù, nhưng không vì thế không chịu cảnh lệ thuộc trước Cách mạng tháng Tám.

Những dân tộc miền núi trung Trung Bộ, suốt dọc Trường Sơn - Tây Nguyên chịu tác động ảnh hưởng của các triều đình của ba nước Việt Nam (xưa của nước Chăm), Campuchia và Lào, lại chịu tác động bởi những cuộc chiến tranh, loạn lạc, nhất là vào thế kỷ XVIII - XIX, khi các chợ buôn người được thành lập ở phía tây Đông Dương. Những cuộc chiến tranh có tính tàn phá giữa các *buôn*, *plây* của các dân tộc, mở đầu cho sự phá vỡ sự cố kết từng dân tộc, từng nhóm địa phương, mỗi cá nhân có ý thức về *buôn*, *plây*, nhiều hơn về tộc người, do những cuộc chiến tranh nội da nấu thịt. Tác động của chủ nghĩa thực dân, nhất là trong hai cuộc chiến tranh vừa qua làm thay đổi bộ mặt các dân tộc Trường Sơn - Tây Nguyên. Tuy nhiên, trên bản đồ, ta vẫn thấy từng dân tộc cư trú ở một địa bàn nhất định, tuy rằng ý thức về lãnh thổ tộc người đã mờ nhạt.

Từ năm 1945 lại đây, số lượng dân tộc Việt lên cư trú ở miền núi ngày một đông. Việc di chuyển các dân tộc trên rẻo do thiếu đất đã xảy ra. Sự có mặt của các dân tộc thiểu số miền Bắc vào Tây Nguyên ngày một nhiều con số đã lên đến xấp xỉ 800.000 người.

3. Với tình hình phức tạp như vậy diễn ra trên mọi phương diện: lãnh thổ tộc người, giao lưu kinh tế, văn hoá, nên việc xác định tiêu chí thành phần các dân tộc rõ ràng là khó khăn. Việc đó được đặt ra và chỉ được giải quyết một cách rõ ràng sau 15 năm nghiên cứu trong cuộc hội thảo kéo dài ba ngày 8 - 9 - 10 tháng 11 năm 1973, mặc dù ý kiến chỉ đạo đã được đặt ra chỉ ít từ năm 1960 cho đến cuối năm 1972, khi trong quá trình làm công tác xác định thành phần dân tộc, đã được vận

dụng để giải quyết những trường hợp khác ý kiến.

Tiêu chí xác định một dân tộc và các nhóm địa phương ở Việt Nam, được giới dân tộc học nước ngoài hoan nghênh khi công bố. Trong một cuộc trình bày tại Trung tâm Tư liệu và Nghiên cứu về các dân tộc Đông Nam Á và thế giới Hải đảo (CDRASEMI) tại Paris, năm 1982, của tác giả (5), những nhà học giả Pháp đã coi các tiêu chí đó là đúng đắn, đầy đủ và bằng *Danh mục các dân tộc ở Việt Nam* được xác lập một cách đáng tin cậy. J. Dournes, một học giả chuyên nghiên cứu về Việt Nam nói chung và các dân tộc Tây Nguyên nói riêng, đã cho thấy là một thành tựu khoa học, hơn hẳn các bảng *Danh mục* được xác lập trước đây ở Việt Nam và hơn hẳn các bảng *Danh mục* của nhiều nước khác trong khu vực và trên thế giới.

Những tiêu chí đó khác hẳn với những tiêu chí đặt cho một quốc gia dân tộc (nation), cũng như không hẳn giống những tiêu chí dành riêng cho ngôn ngữ của một dân tộc (ethnie), mặc dù ở đây tiêu chí ngôn ngữ đóng một vai trò đáng kể, nhưng không phải là quyết định duy nhất. J.Poirier không nói đến tiêu chí ngôn ngữ tộc người trong việc xác định một dân tộc (6). Phải chăng thông thường một dân tộc (ethnie) là bộ phận cấu thành một dân tộc hay nhiều dân tộc (nation) nên trong một dân tộc thường xuất hiện hiện tượng đa, song ngữ với sự có mặt của ngôn ngữ quốc gia dân tộc, ngôn ngữ khu vực. Ngôn ngữ được coi là ngôn ngữ mẹ đẻ có trường hợp lại là ngôn ngữ của một dân tộc khác. Nên có những trường hợp ở một dân tộc có bộ phận coi ngôn ngữ mẹ đẻ là hai hay nhiều ngôn ngữ khác nhau. Có trường hợp ngôn ngữ mẹ đẻ chỉ còn dưới

dạng tử ngữ hay chỉ được dùng trong một dịp nhất định. Điều đó ta đều thấy trên thực tế đời sống các dân tộc trên thế giới, và cũng có gặp ở Việt Nam. Vấn đề là không phải vì vậy mà không tính đến tiêu chí quan trọng này. Có lẽ đúng hơn là J.Poirier vẫn ám chỉ *ethnie*, tộc người là nhằm các dân tộc không phải là đa số trong một quốc gia - dân tộc khi ông khẳng định "Người ta không thể giữ lại những yếu tố hợp thành của một tộc người (ethnie) như sự tồn tại một quyền hành chung một lãnh thổ chung, một ngôn ngữ duy nhất, cũng như một văn hoá duy nhất" (7); mà ông chỉ nhấn mạnh những yếu tố: một cộng đồng về ký ức có thể là một truyền thống lịch sử hay một hình thức huyền thoại; một cộng đồng giá trị tạo nên một "văn hoá tối thiểu"; một cộng đồng có chung một tên gọi, tuy rằng có thể có nguồn gốc khác nhau và cuối cùng là một cộng đồng có cùng chung một khát vọng, một ý thức chung, mà ông cho là quan trọng nhất. Nên ông cho rằng có thể coi một nhóm tộc người là "tập hợp những cá nhân tự muốn mình là thế" (8) (*L'ensemble des individus qui se veut tel*). Ý kiến đó còn thấy được ở phần cuối của cuốn sách gồm hai tập, khi ông đồng ý với Levi Strauss phân chia ra hai loại *ethnie*, dân tộc thuộc các xã hội nông nghiệp và tiền nông nghiệp và dân tộc được cấu trúc khác hẳn, thuộc các xã hội công nghiệp (9).

Hơn nữa, với quan niệm, xu thế muốn các dân tộc trong một quốc gia dân tộc dần được thống nhất, nên có những tộc người nào không tự sức trở thành một dân tộc, thời dễ phải đồng hoá, dù tự nhiên hay cưỡng bức, vào một dân tộc, một đất nước. Quan niệm này nay được các nhà dân tộc học trên thế giới (10), kể cả các nhà dân

tộc học Xô viết cũ đã bác bỏ trong quá trình thảo luận về vấn đề tộc người trước và sau khi ra đời cuốn sách của N.N. Tchebôcxarôv- N.A. Tchebôcxarôva (11), của Iu. Brôm-lây (12) và của S, Bruk (13). Lại thêm, theo J.Poirier, ông chưa có một định nghĩa cho các nhóm địa phương, hay có thể lẫn lộn định nghĩa một dân tộc (ethnie) và một nhóm địa phương (groupe local).

Ở nước ta, qua quá trình thảo luận xây dựng tiêu chí một dân tộc (tộc người), các nhà dân tộc học Việt Nam đã phân biệt rất rõ ràng ba phạm trù khác nhau: 1. *quốc gia dân tộc*, 2. *dân tộc hay tộc người*, 3. *nhóm địa phương*; đã quan niệm khá rõ ràng các dân tộc đều được bình đẳng cho dù những nguyên nhân lịch sử - địa lý có thể ở những trình độ phát triển xã hội khác nhau; đã hiểu rằng mỗi một dân tộc được phân chia thành những nhóm địa phương. Quan trọng hơn cả là sự tôn trọng các tộc người, các nhóm địa phương với tư tưởng bảo vệ và phát triển và coi việc để mất một dân tộc, một nhóm địa phương một cách không bình thường là có tội, khi họ đã trải qua bao thách thức của lịch sử để tồn tại được đến ngày nay, trong khi nhân loại còn lo cứu một loài sinh vật khỏi nạn diệt chủng.

4. Dựa trên nghiên cứu sách vở, nhất là trên tình hình thực tiễn của các dân tộc và các nhóm địa phương ở Việt Nam, các nhà nghiên cứu đều thấy phát hiện những đặc điểm tộc người dựa vào đây để định ra được tiêu chí của một dân tộc như ở nước ta là không dễ dàng. Trước hết cần loại trừ những đặc điểm không mang tính tộc người như những đặc điểm có tính xã hội, tính nghề nghiệp, tính địa phương, thường thay đổi theo tiến trình lịch sử. Phát hiện những đặc điểm trong đời sống, văn hoá có

tính tộc người có tính ổn định và một số đặc điểm về tính cách nhằm phân biệt dân tộc này với dân tộc khác, một cách vững bền như tiếng mẹ đẻ, tộc danh, lịch sử và huyền thoại, một số yếu tố văn hoá vật thể và phi vật thể lại rất thân thiết với từng dân tộc là điều phải làm.

Ở Việt Nam, những đặc điểm trên tìm ra để có thể lấy làm tiêu chí xác định một dân tộc thường không dễ, nhất là các dân tộc cùng sống trong một khu vực (Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn - Tây Nguyên...), vì tính cư trú xen kẽ, vì mối giao lưu văn hoá, vì cùng chung một nền tảng văn hoá Nam phương, vì cùng chịu ảnh hưởng của các nền văn hoá ngoại sinh và nhất là vì đã cùng chung lưng đấu cật bảo vệ và xây dựng đất nước. Truyền thống đoàn kết, thống nhất, cho dù trên thực tế (tôi nhấn mạnh ĐNV) như V.I.Lênin nói rất đúng sự bất bình đẳng giữa các dân tộc vẫn đang diễn ra. Nên các dân tộc đã biết tôn trọng cái "*chúng ta*" là thuộc về dân tộc Việt Nam, đồng thời với cái "*khác ta*" là thuộc về các dân tộc khác nhau. Chẳng thế mà UNESCO đưa ra một tiêu chí rất đáng lưu ý: "Văn hoá bao gồm tất cả những gì làm cho dân tộc này khác với các dân tộc khác" (14).

4a. *Những tiêu chí xác định một dân tộc ở Việt Nam được rút ra thể hiện qua tên gọi nhất là tên tự gọi của tộc người, qua ngôn ngữ (như đã phân tích ở trên), qua lịch sử, chỉ ít qua mối quan hệ về nguồn gốc chung thể hiện trong huyền thoại về nguồn gốc tộc người, những truyền thuyết về nơi quê hương xưa hư hay thực nơi tổ tiên cư trú, về quá trình thiên di và chuyển cư của các dân tộc hay những trang sử chép tay hay truyền miệng. Tiêu chí đó còn được thể hiện qua một số đặc trưng văn hoá, một số thói quen trong*

cung cách sinh hoạt rất riêng biệt có khi biểu hiện ở những chi tiết rất dễ nhận, rất thân thương; có khi mang tính thiêng liêng đối với dân tộc đó. Những đặc tính văn hoá thường thấy ở phạm trù tôn giáo, ở tục lệ hôn nhân liên quan đến những quan hệ gia đình và dòng họ.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp rất khó đoán được rõ rệt những đặc điểm qua lịch sử, ngôn ngữ và văn hoá, vì thường có sự lẫn lộn giữa đặc điểm tộc người với các sắc thái mang tính địa phương. Điều đó ít xảy ra đối với các dân tộc có dân số đông, đời sống ổn định, ý thức tự giác tộc người đã rõ rệt. Nhưng ở những nhóm cư trú ở những vùng hẻo lánh, chịu đựng những cuộc biến động liên tục trong lịch sử, bị xé lẻ thành nhiều nhóm địa phương, sinh sống xen kẽ và lệ thuộc với các dân tộc khác dân số đông hơn, trình độ phát triển kinh tế xã hội bền vững hơn, lại được tổ chức thành một thiết chế tổ chức xã hội vững vàng hơn. Do vậy, dưới sự tác động của quan hệ hôn nhân, bởi sự tiếp nhận những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá, những bộ phận trong một dân tộc cư trú xa cách nhau, có khi lại có sự cách biệt bởi những yếu tố ngôn ngữ, văn hoá, thậm chí tạo nên một truyền thuyết, một lịch sử bất thành văn riêng, để xác định thành phần dân tộc, yếu tố quyết định có khi là duy nhất lại là ý thức tự giác dân tộc (*ethnie*). Điều này là ý kiến dường như thống nhất đối với các nhà dân tộc học Xô viết trước đây, cũng như các nhà dân tộc học phương Tây, và được xem xét rất kỹ khi xác định dân tộc ở Việt Nam.

Đối với các dân tộc dân số ít và phân tán này, ý thức tự giác dân tộc (tộc người) cũng được khẳng định không thật giống nhau. Có những dân tộc chịu những tác động quá nghiệt ngã của lịch sử, dân số bị

giảm sút còn rất ít, nhưng do có một quá khứ lịch sử vững bền, một bề dày văn hoá, một ngôn ngữ, một lối sống đặc thù, vẫn tự khẳng định là một dân tộc riêng rẽ như người Chứt, người Ó-đu, người Rơ-măm... Có những dân tộc có bộ phận trên thực tế đã đồng hoá dường như hoàn toàn cả về ngôn ngữ, văn hoá với một hay nhiều dân tộc ở xen lẫn, nhưng một khi ý thức tộc người được đánh thức dậy, họ lại tự giác nhận lại dân tộc cũ. Đó là trường hợp thường thấy ở miền Bắc và miền Trung dãy Trường Sơn và miền Bắc và nam Tây Nguyên. Nhưng cũng có khi những bộ phận dân tộc có thể vì một nguyên nhân lịch sử quá sâu sắc, do sự phân rẽ của các bộ phận theo các tù trưởng đối địch nhau, có khi đã nói hai ngôn ngữ khác nhau, với những nét văn hoá dị biệt do thu nhập trên quá trình thiên di, trong thâm tâm vẫn tự biết là cùng một nguồn gốc tộc người, một khi được phát động lại, lại trở về nhận là cùng dân tộc. Đó là trường hợp các nhóm Thái, Mường, Thổ, Chứt, Sán Chay vv... Nhưng, nếu lại vì một nguyên cớ lịch sử nhất định nào đó, vì một quyền lợi do sự đối xử không bình đẳng, những bộ phận dân tộc này lại dễ dàng đòi hỏi tách ra thành một dân tộc riêng rẽ.

Bởi vậy, trong trường hợp này cần có sự phân tích rạch ròi của các nhà khoa học một cách khách quan thế nào là một dân tộc, thế nào là một nhóm địa phương. Trong lần xác định thành phần dân tộc trước vấn đề này cũng được thảo luận kỹ càng (15). Tôn trọng việc tự khai một cách tự giác không có nghĩa là tự khai báo một cách tự nhiên. ý kiến này không được các nhà học giả phương tây chú ý lắm, vì điều dễ hiểu là họ ít quan tâm định cho các dân tộc, các nhóm địa phương một tiêu chí nhất định, lại thường cũng lẫn lộn sự

phân loại theo ngôn ngữ học và dân tộc học, cũng như lẫn lộn cả các tên gọi, không tôn trọng các tên tự gọi, thậm chí dùng các tên miệt thị hay còn bịa ra những tên gọi, hoặc do phát âm sai lạc, hoặc do thật sự lầm lẫn. Tất nhiên, trong những thập kỷ gần đây, các nhà khoa học đã nhận được ra sự cần thiết phải gọi lại tên gọi cho đúng và cần có sự phân biệt giữa các dân tộc và các nhóm địa phương"(16)

4b. Vậy một nhóm địa phương là gì. Đúng là một nhóm địa phương phải là một bộ phận của một dân tộc cũng có những tiêu chí xác định như một dân tộc; nhưng tất nhiên có những khác biệt nhất định với những nhóm địa phương khác trong cùng một dân tộc đậm nhạt khác nhau về các phương diện nhân chủng, ngôn ngữ, kinh tế, xã hội, văn hoá... Họ có thể còn có một truyền thuyết liên quan đến cuộc thiên cư của mình, một lịch sử thành văn, thường là truyền miệng, bắt đầu từ khi tách ra khỏi nhóm "mẹ", thậm chí có cả những sắc thái sinh hoạt, những tác phẩm văn học nghệ thuật riêng. Những nhóm này không nhất thiết có số lượng ít hơn, có trình độ phát triển xã hội kém hơn, thậm chí lại còn giữ lại những sắc thái cổ xưa hơn nhóm "mẹ".

Nhưng đã được gọi là một nhóm địa phương nhất thiết phải có một tên gọi riêng. Tên gọi đó là tên do người trong nhóm tự đặt hay các cư dân xung quanh vùng đặt cho (nên có khi có hai, ba tên), nhưng tên đó đã trở thành phổ biến.

Vậy, một nhóm địa phương được hình thành khi những thành viên trong nhóm đó vẫn tự biết mình thuộc về một dân tộc nhất định và đồng thời lại tự thấy cần thiết phải có kết hợp với nhau thành một

nhóm địa phương với một tên gọi riêng. (17)

Đến một chừng mực nào, khi mối quan hệ giữa nhóm địa phương với dân tộc mình đã quá xa vời, con người tự cảm thấy không có một quan hệ dù chỉ là trên ý thức với nhóm "mẹ", rất dễ xảy ra tình trạng một nhóm địa phương tách thành một dân tộc riêng lẻ. Tuy nhiên, do ý thức nhóm "mẹ", rất thiêng liêng, tiềm ẩn trong tâm thức, một khi được khơi dậy, được làm cho rực sáng, nhóm địa phương lại tìm lại và nhận mình thuộc về một dân tộc gốc xưa mà nay họ đã tách ra. Xu hướng này là đáng khích lệ. Nhờ các nhà nghiên cứu và nhờ sự giao lưu qua lại của một số người trong một cộng đồng (cán bộ, bộ đội), trong hai cuộc chiến tranh vừa qua, đã có hiện tượng nhiều nhóm địa phương tìm về lại với dân tộc mình. Đó là trường hợp của các nhóm Thái ở Thanh Hoá, Nghệ An, các nhóm thuộc dân tộc Xơ-đăng tỉnh Quảng Nam v.v...

5. Tuy nhiên trong thực tế, ta thấy ranh giới xác định giữa một nhóm địa phương và một dân tộc không dễ dàng, nhất là những nhóm đã và đang cư trú xa cách nhau, hoặc vì điều kiện ở trình độ phát triển kinh tế - xã hội khác nhau, đã nói bằng những ngôn ngữ khác nhau. Khó khăn đó đã dẫn đến trong quá trình xác định thành phần các dân tộc kỳ những năm 60, 70 thế kỷ trước, việc tập trung nghiên cứu khá công phu của các nhà dân tộc học, mở những cuộc họp lấy ý kiến của các cấp uỷ địa phương, đại biểu của người dân có khi đến 2, 3 lần, kéo dài hàng năm... Thế mà cũng còn cần có một sự nhượng bộ nhất định, có tính thoả hiệp khi thống nhất về tộc danh như trường hợp dân tộc Sán Chay (Cao Lan-Sán Chỉ), Giẻ-Triêng, Bru-Vân Kiều, và cũng còn

một số ít trường hợp chưa thật được các nhóm địa phương ủng hộ. Phan Hữu Dật có thống kê ra một số trường hợp cần xác định lại về tộc danh cũng như về phân loại (18). Thật ra, đa số những trường hợp đó cũng là những trường hợp đã được xem xét kỹ lưỡng của nhiều tác giả, kết quả được công bố chủ yếu trong các bài đăng trên *tạp chí Dân tộc học* và các cuốn sách có tính miêu thuật. Tác giả bài báo đưa ra hai nguyên nhân: 1. Không nên chạy theo ý kiến muốn tách từ một nhóm địa phương thành một dân tộc, số lượng các dân tộc ở nước ta sẽ manh mún không đảm bảo cho các dân tộc vươn lên về mặt phát triển kinh tế xã hội và trái với quy luật hợp nhất của lịch sử; 2. Cần lưu ý đến nguyện vọng của đồng bào, cho dù một dân tộc gồm các nhóm địa phương đã được khoa học chứng minh là đúng, nếu sự hợp nhất chưa vừa ý đồng bào, cũng không nên nóng vội, ép buộc.

Những ý kiến nêu trên là có thể chấp nhận được, nhưng cũng cần cảnh giác với tư tưởng địa phương, những ý kiến không đúng đã được giải thích, nay lại được khơi lại, làm phiền phức thêm về phương diện khoa học, cũng như không lợi về phương diện chính trị. Phải chăng, trong việc hoàn thiện bảng danh mục các dân tộc cần đảm bảo tính khoa học trước hết, đảm bảo phương châm thận trọng, không gây những xáo động không cần thiết, khi phủ nhận những ý kiến đã được giới khoa học cũng như các địa phương đã chấp nhận. Chỉ nên tập trung vào một số ít trường hợp chưa được nghiên cứu kỹ lưỡng, hoặc từ sau năm 1979 với những công trình nghiên cứu phát hiện những ý kiến mới, có tính khoa học, phát hiện ra những điều sửa đổi cần thiết. Kinh nghiệm của Trung Quốc, khi thấy có vấn đề, họ bổ sung vào

danh mục các dân tộc đã được công bố một dân tộc mới, hoặc sửa chữa một tên gọi cho thích hợp, khi đã cân nhắc kỹ càng cả về phương diện khoa học và chính trị, và chỉ đưa ra đúng lúc, tránh gây ra những xáo động chính trị không cần thiết.

5a. Nếu dựa vào bản của Phan Hữu Dật đưa ra, ta thấy nhiều *tộc danh* không thể chấp nhận được. Ví dụ như có những tên gọi không mang tính tộc danh như Sách là tên một đơn vị hành chính xưa. Mày là "ăn mày"; *Dan Lai, Ly Hà* là tên hai con sông nay ở huyện Thanh Chương, nơi cư trú xưa kia của đồng bào, Pa cô người ở phía cao (*pa*: phía; *cô*: cao) (19), *Man thanh* đã tự gọi là Tày Thanh hay Thái Thanh (người Thái có nguồn gốc từ Mường Thanh hay Thanh Hoá về), *Chương* tên một anh hùng dân tộc của người Khơ mú. Thanh Phán (thanh bản) là một ngành Dao có phong tục "đội ván" (20) tức một cái mũ có một thanh gỗ làm khung; *Xinh Mun* có hai ngành Dạ và Nghệt, chứ Xinh chỉ có nghĩa là người... trong các danh mục dân tộc ở Lào, ở Đông Nam á đều ghi là Xinh Mùl.

Về vấn đề tên gọi là vấn đề dễ mặc cảm (21). Bộ phận Giẻ ở nước ta đông dân số, nhưng bộ phận Triêng hay Tà Liêng là tên một đơn vị hành chính trên *buôn plây*, Lý ra nên gọi là Giẻ, vì đó là nơi xuất phát của tộc người Giẻ-Triêng. Nhưng bộ phận Triêng lại ở thấp, có trình độ phát triển xã hội hơn, vì được ảnh hưởng một số nét văn hoá Lào. Nên để dàn xếp, thời điểm đó, qua hội nghị lấy ý kiến, nguyện vọng người dân lúc đó đồng ý lấy một tên kép là Giẻ-Triêng (22). Đó cũng là trường hợp người Bru-Vân Kiều. Công nhận tên tự gọi dân tộc là đúng, nhưng nếu người Thái và người Tày đều tự gọi là *Táy*, thời

người Thái phải chấp nhận một tên gọi phổ biến là Thái.

Phải chăng có thể đưa ra một giải pháp khi cần thiết một dân tộc trong Danh mục toàn quốc phải được gọi bằng một tên thống nhất, nhưng ở từng địa phương, trong một thời gian nhất định, có thể giữ tên phổ biến với một ngoặc đơn. Ví dụ ở tỉnh Quảng Nam, có thể ghi các dân tộc Ve-Tà Liêng (Giê -Triêng), Ca dong (Xơ-đăng), ở tỉnh Thừa Thiên-Huế có thể ghi dân tộc Pa cô (Tà ôi) v.v... Điều đó chẳng qua là bất đắc dĩ trong trường hợp chưa thuyết phục được.

Nguyên tắc đặt tên gọi cho các dân tộc, các nhóm địa phương, được đặt ra trong kỳ xác định dân tộc kỳ trước dường không có gì cần thay đổi.

1. *Cần tôn trọng tên tự gọi của tộc người, của nhóm địa phương* hoặc trong một số trường hợp gọi bằng *tên phổ biến*, do đã quá quen thuộc, vì bản thân họ đã quên tên tự gọi hoặc cũng không cần thiết phải sử dụng tên tự gọi nếu gây nhầm lẫn (Thái) hay vì cần thống nhất tên gọi trong phạm vi khu vực hay thế giới (Dao, Khơ mú...).

2. *Cương quyết xoá bỏ không thương tiếc những tên mang tính miệt thị.* Điềm lại danh mục cũ về cơ bản không cần có sự sửa đổi. Việc gọi dân tộc Mèo là *Hmông* (h câm, hm: âm tắc sát) tránh phiên âm là *Hơ mông* dễ sợ bị chế diễu, nhưng cũng không cần đổi là *Mông* vì theo các nhà ngôn ngữ tham gia ở hội nghị kỳ trước là gọi không chuẩn, và sao không nghĩ sẽ bị hiểu lầm là cái *mông* như đại biểu dân tộc thời đó đã phát biểu, tránh lẫn với dân tộc *Mông* (cổ) và thống nhất với tên gọi chung những người *Hmông* trên toàn cầu. Chú ý ở Tây Nghệ An, tên gọi *Mẹo* vẫn phổ biến.

Có nên chăng cần nghiên cứu thay đổi tên gọi dân tộc *Lô Lô*. Theo đồng chí Triệu Hữu Lý khi còn sống, tiếp đó được các nhà khoa học Pháp và Trung Quốc cho biết *Lô Lô*, tên tự gọi là *Di* được người Trung Quốc xếp vào dân tộc *Di*, nghĩa đen là người loã lồ. Nếu có thật như vậy, thời có thể cần thay đổi.

5b. Về thành phần dân tộc, cũng như các nhóm địa phương có vấn đề ở kỳ điều tra năm 60, 70 đã nêu lên, nay lại thấy cần nêu lại. Hai nhóm Cao Lan và Sán Chỉ đều tự nhận là Sán Chay, do thiên di bằng hai đường khác nhau, mặc dầu về phương diện văn hoá cơ bản là giống nhau, việc cúng lễ cũng dùng chung một thứ tiếng, tiếng Sán Chỉ tức là một dạng tiếng Hán phương nam. Về phương diện ngôn ngữ, theo A G Haudricourt cả hai đã vứt bỏ tiếng mẹ đẻ là tiếng Dao, người Cao Lan nay nói ngôn ngữ Tày - Thái, người Sán Chỉ nói một thứ tiếng Hán phương nam. Vậy phải chăng nên coi là một dân tộc vì hai nhóm đều mang chung những nét văn hoá giống nhau, tiến hành quan hệ hôn nhân với cùng một lệ tục và nghi thức. Cũng xin lưu ý sự xích mích muốn chia hai chính là xưa do mâu thuẫn của từ trưởng hai nhóm. Về dân tộc này cần lưu ý công trình của Nguyễn Nam Tiến thời đó và chỉ ít là hai hội nghị đã lấy ý kiến của địa phương do đồng chí Bế Viết Đăng chủ trì.

Ở Tây Nguyên nói riêng và Trường Sơn-Tây Nguyên nói chung, trong suốt hai thế kỷ gần đây dường diễn ra một quá trình hội nhập từ những nhóm cùng hệ ngôn ngữ Môn-Khơ-me hay Malayô-Polinêxia thành những dân tộc đông người hơn như Xơ-đăng, Giê-Triêng, Ba na, Gia rai, Ê-đê, Mnông, Cơ ho, Mạ, Xtiêng... Nếu nhìn ngược lại những bản phân loại các

dân tộc ở vùng này, từ của H.Maitre qua nhiều tác giả đến bản danh mục của nhóm tác giả Mỹ (23) và của Việt Nam năm 1979, ta thấy được hiện tượng đó, hiện tượng hợp nhất các dân tộc.

Với việc mọc lên các thị trấn, các thị xã, các nhóm tộc người dần dần tập hợp lại xung quanh nhóm tộc người nằm nơi trung tâm, ví dụ như nhóm Ba na Kon Tum ở thị xã Kon Tum, Ba na Gơ Lar ở thị xã Plây Cu, Ba na Tô Lô ở An Khê, Gia rai Chor ở Ayun Pa, Ê-đê Ktul ở Ban Mê Thuột. Thị trấn Gia Nghĩa tập hợp các nhóm Mnông, thị trấn Bảo Lộc, các nhóm Cơ ho... Trước đây, vào hai thế kỷ thứ XVIII, XIX, các *buôn*, *plây* Tây Nguyên phải sống khép kín, theo chế độ dân chủ quân sự, liên minh tạm thời với các *buôn*, *plây* xung quanh thành những *tring* (*krung*, *kring*, *tà tiêng*, *triêng...*) để tiến hành những cuộc chiến tranh nội da, nấu thịt dầm máu vì nguyên nhân tôn giáo (săn đầu người), vì bắt tù binh bán sang thị trường Xiêm, Lào. Kết quả là các tổ chức trên *buôn plây* bị tan vỡ. Đến khi người Pháp vào Tây Nguyên, nạn dâm chém với tục săn đầu người và bắt tù binh bán sang thị trường Xiêm, Lào được chấm dứt về cơ bản. Nên, từ đấy trở đi, đứng về phương diện khách quan mà xét, các nhóm địa phương lại được tập hợp lại dần dần để tái hình thành và mở rộng các dân tộc như Ba na, Gia rai, Ê-đê, Cơ ho, Mnông, Mạ. Những tập hợp đó chặt chẽ hay lỏng lẻo diễn ra khác nhau, phụ thuộc vào việc phát triển các thị trấn. Hai cuộc chiến tranh lại cố kết các dân tộc lại với sự hiện diện của cách mạng. Gần 30 năm xây dựng đất nước lại thêm một lần hợp nhất. Ở giai đoạn sau này tác động cố kết các nhóm Giẻ-Triêng và Xơ-đăng là lớn.

Nên hiện nay, nếu có hiện tượng phân rã những nhóm lớn ở trung tâm của các dân tộc với các nhóm cùng ngôn ngữ ở ngoại vi như các nhóm Nốp, Chil, Lát ở người Cơ ho; Bih, Mdhur ở người Ê-đê; Hà lăng, Ca dong ở người Xơ-đăng; Tbuân, Mdhur ở người Gia rai là điều rất có thể xảy ra trong quá trình phát triển, nhưng không nên khuyến khích. Như vậy, chỉ làm suy yếu các dân tộc, không lợi cho sự đoàn kết dân tộc, nhất là trong tình hình hiện nay, khi mà âm mưu của kẻ thù lợi dụng những sai lầm trong thời kỳ bước đầu xây dựng CNXH ở nước ta, đặc biệt ở Trường Sơn - Tây Nguyên để chia rẽ, lôi kéo, để gây sự đối lập giữa người Kinh và người Thượng.

Cũng cần phải thấy những dân tộc như Cơ ho, Mạ, Mnông, Giẻ-Triêng, Xơ-đăng... cư trú ở vùng ngoại vi Tây Nguyên, nơi xưa rừng rú rậm rạp, đi lại khó khăn, việc hợp nhất và mở rộng các dân tộc không được chặt chẽ như người Ba na, người Ê-đê, người Gia rai. Cũng cần nhận thấy ở những vùng ranh giới các dân tộc cùng ngôn ngữ, có những nhóm có thể tự nhận thuộc dân tộc này hay dân tộc khác đều được, mà tác giả gọi là nhóm trung gian (*groupe intermédiaire*) như nhóm Mdhur, Krung, Chur có thể nếu cư trú gần người Ê-đê tự nhận là Ê-đê, gần người Gia rai tự nhận là Gia rai, cũng như nhóm Chil đối với dân tộc Mnông và Cơ ho. Ý kiến về nhóm trung gian này được các học giả nước ngoài lưu ý vì đây cũng là trường hợp thường thấy ở các cư dân miền núi nhiệt đới. (24).

Đối với dân tộc Thổ (với sự gia nhập các nhóm Đan Lai- Ly Hà, Tày Pọng), một dân tộc mới hình thành ở một bộ phận tỉnh Thanh Hoá và Nghệ An, nếu có sự lỏng lẻo chưa cố kết chặt chẽ của những

nhóm cư trú tách rời cũng là điều dễ hiểu. Hai cuộc Hội nghị ở Cửa Lò trong năm 1972 và một cuộc gặp gỡ với tỉnh uỷ và UBND tỉnh thời đó, cho thấy sự khó khăn ban đầu mặc dầu các đại biểu nhân dân cũng như các cán bộ nghiên cứu và quản lý đều thống nhất dân tộc Thổ có cốt lõi là nhóm Cuối, qua quá trình hình thành gia nhập thêm các nhóm thuộc ngôn ngữ Việt-Mường và thậm chí cả Thái.

Đối với dân tộc Chứt, trường hợp cũng tương tự. Đó là sự cố kết dân tộc của các nhóm du cư ở vùng miền núi Quảng Bình với một tên gọi chung. Tộc người Bru-Vân Kiều đều thấy xếp vào một tộc người. Các tác giả ở kỳ điều tra trước đều thấy nên lấy tên gọi là Bru và cũng thấy có sự khác biệt với một bộ phận tự gọi là Vân Kiều do cư trú xuống vùng thấp ở cạnh người Việt, mà *Ô châu cân lục* đã chép (thế kỷ XVI). Các tác giả ngoại quốc thì gọi là Bru (Vân Kiều). Điều đó cũng cùng một tinh thần với bản danh mục có điều ghi hơi khác Bru-Vân Kiều. Người Vân Kiều không nên lấy tên một địa danh tổng Vân Kiều, cho dù đã gắn bó, giống như người Việt nếu lại gọi là người Nam Định, người Huế... làm tên dân tộc, và đòi tách thành một dân tộc riêng, cho dù nhóm đó có trình độ xã hội phát triển hơn người đồng tộc, và đều lấy họ là họ Hồ. Đối với dân tộc Tà ôi có hai nhóm địa phương: Pa cô, Pa hi, và còn có tên gọi là Ka đô. Theo tiếng nói của người Bru-Vân Kiều, *ka đô* là người phía bên kia, để phân biệt với người bên này (*kanai*) là bản thân dân tộc mình. Vậy Ka Đô chỉ người Tà ôi không coi là một tộc danh. Pa cô là người ở phía cao, Pa hi là người ở phía thấp, giáp người Kinh (25). Vậy nên giữ tộc danh của dân tộc là Tà ôi, Pa cô và Pa hi chỉ là nhóm địa phương.

Đối với nhóm Pa dí, Tu dí, Thu lao vv..., xét về nguồn gốc thì cả ba nhóm đều thuộc ngôn ngữ Tày-Thái, cũng ở trong khu vực cư trú của dân tộc Tày, và người Giáy. Tuy nhiên, nhóm Pa dí gần với người Thái, còn giữ được tên cũ là Pa dí, trong khi đó người Thù lao lưu giữ được những nét của người Tày cổ. Người Tu dí chịu ảnh hưởng đậm của văn hoá Hán, nói một thổ ngữ Hán phương nam. Nên đặt nhóm Pa dí, Thù lao vào dân tộc Tày và nhóm Tu dí vào dân tộc Giáy là hợp lý, vì người Pa dí gần người Thái, nhưng lại cư trú ở vùng người Tày; vả lại ở vùng lưu vực sông Hồng các nhóm Tày, Thái xuất thân từ Tày khảo, hậu duệ của nhóm Pa dí cũng chưa phân biệt rành rọt. Không nên tách ba nhóm này thành một dân tộc riêng biệt.

Như vậy, theo chúng tôi, về phương diện tộc danh, cũng như phân nhóm địa phương trong một dân tộc, xét theo tiêu chí phân loại dân tộc học, không có sự thay đổi lớn. Có chăng có trường hợp người Nguồn ở tỉnh Quảng Bình gốc gác là người Việt, cũng không nên vì ở miền núi lâu mà tách ra thành một dân tộc riêng, từ đây sẽ kéo theo, rất có thể thành một xu thế phổ biến tạo tiền đề cho các nhóm địa phương đòi trở thành một dân tộc. Nguyễn Dương Bình đã có một bài nghiên cứu mô tả có thể đồng tình (26). Vấn đề ở đây là cần có một chính sách miền núi thích hợp với loại cư dân như người Nguồn.

Để kết luận: Nhìn nhận lại việc đặt tiêu chí xác định thành phần các dân tộc hay các nhóm địa phương, cũng như nguyên tắc đặt tên gọi các dân tộc và các nhóm địa phương trong kỳ điều tra những năm 60, 70 thế kỷ trước là đúng đắn. Bảng Danh mục các dân tộc và các nhóm

địa phương nói chung là có thể chấp nhận được. Với thời gian sau hơn 20 năm thực hiện, thực ra chưa có những thay đổi lớn. Việc nhìn nhận nghiên cứu lại là cần thiết. Nhưng tại sao trong dư luận lại có những xì xào cần xem lại với xu thế muốn chuyển nhóm địa phương thành một dân tộc. Về phương diện khoa học, bản thân tôi vẫn thấy không có những sai sót lớn. Dư luận giới khoa học nước ngoài vẫn đánh giá cao và sử dụng như những tư liệu đáng tin cậy. Phải chăng, với thời kỳ ban đầu đi vào kinh tế thị trường có định hướng, tình hình các dân tộc chưa ổn định, có thể quan hệ đến tình đoàn kết dân tộc, phải chăng, ta ít chú ý quyền lợi của các nhóm địa phương, thường là nhóm kém phát triển của một dân tộc.

Theo tôi, trong kỳ này, có thể chỉ cần đi sâu khảo sát lại, trao đổi lại một số điểm một cách nghiêm túc để nhìn thẳng vào sự thật, có sai có sửa. Nhưng cũng cảnh giác những tư tưởng không đúng sẽ làm vấn đề đơn giản thành rối rắm ảnh hưởng đến chính sách đoàn kết toàn dân. Nhưng ngược lại, khi kết luận, lại cần có một hội nghị có tính toàn quốc, trước nhất là thống nhất những tiêu chí: cách đặt tên gọi cho một cộng đồng: dân tộc và nhóm địa phương. Chính sách với các dân tộc thiểu số và các nhóm địa phương. Tiếp đó các nhà nghiên cứu và quản lý trình bày các vấn đề cần xem xét lại về phương diện khoa học và chính trị, cách thức giải quyết vv...

Phương châm: Kiên nhẫn, thận trọng, chắc chắn, nhằm đảm bảo đoàn kết cần được quán triệt.

Vấn đề là nếu cần rút kinh nghiệm phải lưu ý thực hiện chính sách không chỉ với các dân tộc mà với những nhóm địa phương nhất là những nhóm nhỏ, cư trú ở

những vùng hẻo lánh. Sẽ không lợi nếu vì cần tập trung thực hiện chính sách cho các nhóm địa phương đương gặp nhiều khó khăn, mà lại đặt vấn đề đưa họ lên thành một dân tộc. Ở nước ta, có hiện tượng nhiều nhóm địa phương dân số ít, thậm chí chỉ còn hàng trăm, cần có một chính sách đặc biệt. Việc để mất một dân tộc, thậm chí một nhóm địa phương một cách bất bình thường là một tội lỗi, như trên tôi đã nói, trong khi nhân loại còn lo cứu một loài sinh vật khỏi bị diệt vong.

Trong thời kỳ hiện nay, vấn đề dân tộc và tôn giáo đương là vấn đề được quan tâm. Việc xác định thành phần dân tộc cần làm sao cho các dân tộc vui vẻ, đoàn kết, ổn định đời sống để cùng nhau góp sức xây dựng và bảo vệ đất nước. Đó phải chăng là mục tiêu chính của việc đương làm được Đảng và Nhà nước quan tâm, được các dân tộc trong cả nước đương chú ý theo dõi.

Chú thích

1. Xem các bài trong tạp chí Dân tộc, Dân tộc học trước năm 1979, nhất là trong cuốn Viện Dân tộc học : *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở Miền Bắc Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1975.
2. *Danh mục các thành phần dân tộc Việt Nam* do Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ban bố - TC. Dân tộc học số 1- 1979, tr. 58 - 63.
3. Nguyễn Khánh Toàn: *Một vài quan điểm cơ bản cần được quán triệt trong quá trình xây dựng danh mục các dân tộc thiểu số ở miền bắc nước ta*. Trong *Về vấn đề xác định thành phần các dân tộc thiểu số ở nước ta*. Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975, tr. 38.
4. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr. 98.
5. *L'identification des ethnies du Vietnam-Principes et processus*. Năm 1989, tác giả sang báo cáo tại trường Đại học Washington, Seattle,

- bang Washington, cũng được sự đồng tình có thể xem: Đặng Nghiêm Vạn: *Ethnic identification in Vietnam. Principles and Processes*. Trong cuốn *Ethnological and Religious Problems in Vietnam*. SSPH. Hanoi, 1998.
6. J.Poirier. Chủ biên *Ethnologie Régionale* 1. Chương *Ethnies et cultures* (J.Poirier). Encyclopédie de la Pleiade- Gallimard - Paris. 1972, tr. 21 - 24.
 7. J. Poirier chủ biên: *Ethnologie régionale* . Sdd., 1972, tr. 11.
 8. Nt-
 9. J. Poirier chủ biên: *Ethnologie régionale* 2. Paris. 1978, tr. 1903 - 1934.
 10. Ví dụ: R. Breton: *Les ethnies*. PUF. Paris. 1981.; *Géographie des langues*. PUF. Paris, 1976 (tái bản 2 lần 1983, 1995); *L'ethnopolitique*. PUF, Paris, 1995. G. Héraud: *L'Europe des ethnies*. Bruxelles - Paris. 1993; Evans Pritchard: *Essays in social anthropology*. London, 1962.
 11. N.N. Tchêbôkxarov - N.A Tchêbôkxarôva: *Dân tộc, chủng tộc, văn hoá*. M. 1971. (bản Nga văn, S.I. Bruk, N.N. Tchêbôksarôv: *Cộng đồng tộc người vĩ mô (metaethnic)* M. 1981, bản Nga văn).
 12. Iu. V. Brômlyây: *Ethnôs và dân tộc học* M. 1972; *Những vấn đề dân tộc học hiện đại*. M. 1981; *Nghiên cứu lý thuyết tộc người*. M. 1983. (bản Nga văn).
 13. S.I. Bruk: *Dân số thế giới* M. 1981. (bản Nga văn).
 14. Bế Viết Đăng có nhận xét trong những yếu tố khác ta này cũng có khi mang tính tộc người, có khi lại không thể hiện nhưng vẫn được người dân lưu ý. Nên ở đây cần phân biệt tính khác nhau đó, có khi được các nhà khoa học lưu ý phân tích, có khi mang tính bình dân mà phải chấp nhận. Viện Dân tộc học: *Về vấn đề...* Sdd. 1973, tr. 79.
 15. Viện Dân tộc học: *Về vấn đề xác định...* Sdd. trong bài Đặng Nghiêm Vạn: *Bước đầu bàn về các nhóm địa phương*, tr. 219-237. Có thể tham khảo thêm cuộc thảo luận về *tộc người và vi tộc người (subethnos)* của các nhà dân tộc học Xô Viết trong tập san *Chủng tộc và dân tộc* (bản Nga văn). Số 18-1922 với chủ đề nêu trên của giáo sư M.V. Kriukôv; M. 1988, tr. 5-64.
 16. Song do vì thói quen lâu ngày, trong các danh mục các dân tộc gần đây đều vẫn thấy những sự sai lầm. May mắn, những thành tựu của kỳ xác định thành phần dân tộc năm 1979 được công bố rộng rãi, và nhờ uy tín của công việc được đặt ra nghiêm túc, nên bảng danh mục đó nói chung được tôn trọng, loại trừ một số học giả bảo thủ.
 17. Viện Dân tộc học. Sdd. tr. 226 - 227.
 18. Phan Hữu Dật: *Trở lại tên gọi một số dân tộc nước ta hiện nay*. Tạp chí Dân tộc học số 1-1994. Cũng có những ý kiến của các cơ quan, các địa phương muốn xem xét lại một số trường hợp.
 19. Nguyễn Quốc Lộc chủ biên: *Các dân tộc ít người ở Bình Trị Thiên*. Nxb Thuận Hoá 1984; tr. 43. Tên này phổ biến trong kháng chiến chống Mỹ với các anh hùng Hồ Vai, Kan Lịch... và bài hát nổi tiếng về người Pa cô.
 20. Bế Viết Đăng, Nguyễn Khắc Tung... *Người Dao ở Việt Nam*. Nxb Khoa học xã hội, H. 1971, tr. 32.
 21. Đặng Nghiêm Vạn: *Bàn về tên gọi các dân tộc Miền Bắc Việt Nam*, trong *Về vấn đề...* Sdd, tr. 98-152.
 22. Đặng Nghiêm Vạn và tập thể: *Các dân tộc tỉnh Gia Lai - Công Tum*. Nxb Khoa học xã hội, tr. 1981, tr. 235, 273.
 23. H.Maitre: *Les Jungles Moïs*. Paris 1912; tr. 396-418. *Atlas of the world's Languages*. Do C.Moseley và R.E.Asher chủ biên. London-New York 1994, tr. 159-182.
 24. *Ethnic Identification*. Sdd. 1998. Một bộ phận thuộc một nhóm gia nhập hai dân tộc là điều thường xảy ra, không phải là điều mới lạ. Bộ phận Tày Khao xưa thuộc quyền tù trưởng họ Hà cha truyền con nối cai quản vùng Tuyên Quang, Lào Cai, nay con cháu một phần là dòng họ Hà, một họ lớn của người Việt, một bộ phận là dòng họ Hà của người Thái Mai Châu (Hoà Bình), Quan Hoá (Thanh Hoá). Như vậy là từ bộ phận người Tày nay có ba bộ phận, Tày, Thái, Việt.
 25. Hoàng Thị Châu, Nguyễn Linh-. *Vài trường hợp xác minh dân tộc ở các nhóm địa phương thuộc các kiểu hình thành khác nhau*. trong *Về vấn đề...* Sdd. tr. 200-218.
 26. Nguyễn Dương Bình: *Về thành phần dân tộc của người Nguồn* trong *Về vấn đề...* Sdd. tr. 472-491.